

廣亞學校財團法人
育達科技大學性別平等教育實施要點
TỔ CHỨC PHÁP NHÂN TÀI ĐOÀN TRƯỜNG HỌC QUẢNG Á
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHKT DỤC ĐẠT TRỌNG ĐIỂM TRONG VIỆC
THỰC HIỆN GIÁO DỤC BÌNH ĐẲNG GIỚI

中華民國 95 年 11 月 15 日 第八十二次行政會議通過
Thông qua tại Hội nghị Hành chính lần thứ 82, ngày 15 tháng 11 năm Dân Quốc 95.
中華民國 98 年 7 月 30 日 育亞(秘)字第 0980004306 號令發布
Ban hành theo Công văn số 0980004306 (mật), ngày 30 tháng 7 năm Dân Quốc 98.
中華民國 100 年 5 月 18 日 第三十九次行政會議修正
Sửa đổi tại Hội nghị Hành chính lần thứ 39, ngày 18 tháng 5 năm Dân Quốc 100.
中華民國 100 年 6 月 2 日 育亞(秘)字第 1000003967 號令發布
Ban hành theo Công văn số 1000003967 (mật), ngày 02 tháng 6 năm Dân Quốc 100.
102 年 7 月 30 日 育亞(秘)字第 1020004691 號令修正發布
Sửa đổi và ban hành theo Công văn số 1020004691 (mật), ngày 30 tháng 7 năm Dân Quốc 100.

- 一、廣亞學校財團法人育達科技大學（以下簡稱本校）為落實性別地位實質平等，消除性別歧視，維護人格尊嚴，厚植並建立性別平等之教育及工作環境，依性別平等教育法第十二條第三項規定訂定本辦法。

Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Dục Đạt, trực thuộc Tổ chức Pháp nhân Tài đoàn Trường học Quảng Á (sau đây gọi tắt là **Nhà trường**), nhằm thực hiện giáo dục bình đẳng giới, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về giới tính, bảo vệ nhân phẩm con người, xây dựng và duy trì môi trường giáo dục và làm việc bình đẳng giới, căn cứ khoản 3 Điều 12 của **Luật Giáo dục Bình đẳng Giới**, ban hành Quy định này.

- 二、本校為整合校內外資源，推動性別平等教育相關工作，設性別平等教育委員會。 nhằm tích hợp nguồn lực trong và ngoài Nhà trường, thúc đẩy các công tác liên quan đến giáo dục bình đẳng giới, Nhà trường thành lập **Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới**.
- 三、本校應提供性別平等之學習環境，定期檢視校園整體空間規劃與設施使用，建立安全之校園空間。

Nhà trường cần cung cấp môi trường học tập bình đẳng giới; định kỳ rà soát tổng thể quy hoạch không gian và việc sử dụng cơ sở vật chất trong khuôn viên trường, bảo đảm xây dựng môi trường học đường an toàn.

- 四、本校應尊重學生與教職員工之性別性質及性傾向，招生及就學許可不得有性別或性傾向之差別待遇。

Nhà trường cần tôn trọng đặc điểm giới và xu hướng tính dục của sinh viên, giảng viên, cán bộ và nhân viên; trong công tác tuyển sinh và tiếp nhận học tập, không được có hành vi phân biệt đối xử dựa trên giới tính hoặc xu hướng tính dục.

五、本校不得因學校之性別或性傾向而給予教學、活動、評量、獎懲、福利及服務上之差別待遇。但性質僅適合特定性別者，不在此限。

Nhà trường không được phân biệt đối xử với sinh viên vì lý do giới tính hoặc xu hướng tính dục trong các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt, đánh giá, khen thưởng – kỷ luật, phúc lợi và dịch vụ.

Trường hợp do tính chất công việc chỉ phù hợp với một giới tính nhất định thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

六、本校對因性別或性傾向而處於不利環境之學生，應積極提供協助，以改善其處境，並積極維護懷孕學生之受教權，提供必要之協助。

Đối với sinh viên rơi vào hoàn cảnh bất lợi do giới tính hoặc xu hướng tính dục, Nhà trường phải chủ động cung cấp các hỗ trợ cần thiết nhằm cải thiện hoàn cảnh của họ; đồng thời bảo vệ quyền được học tập của sinh viên mang thai và cung cấp các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

七、本校教職員工之職前教育、新進人員培訓、在職進修及教育行政主管人員之儲訓課程，應納入性別平等教育相關課程。

Trong các chương trình đào tạo trước khi nhận nhiệm vụ, đào tạo nhân sự mới, bồi dưỡng tại chức và các khóa dự bị dành cho cán bộ quản lý hành chính giáo dục của Nhà trường, phải đưa nội dung giáo dục bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy.

八、本校之課程設置及活動設計，應鼓勵學生發揮潛能，不得因性別而有差別待遇。

Việc xây dựng chương trình đào tạo và thiết kế các hoạt động giáo dục của Nhà trường phải khuyến khích sinh viên phát huy tiềm năng cá nhân, không được có sự phân biệt đối xử dựa trên giới tính.

九、教師使用教材及從事教育活動時，應具備性別平等意識，破除性別刻板印象，避免性別偏見及性別歧視。

Giảng viên khi sử dụng giáo trình và tổ chức các hoạt động giảng dạy phải có nhận thức đúng đắn về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới, tránh mọi hình thức thiên lệch hoặc phân biệt đối xử về giới tính.

十、本校每年應參考性別平等教育委員會所擬各項性別平等教育實施方案編列經費預算。

Hàng năm, Nhà trường cần tham khảo các phương án thực hiện giáo dục bình đẳng giới do Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới đề xuất để lập dự toán và bố trí kinh phí ngân sách.

十一、本要點經行政會議通過，自民發布日施行。

Quy định này sau khi được Hội nghị Hành chính thông qua sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.